

Phụ lục 04: TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI LÂM NGHIỆP BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 10 GÂY RA
(Kèm theo Thông báo số 108/TB-UBND ngày 18/6/2026 của UBND xã Sơn Giang)

TT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%		Thiệt hại từ 30% đến 70%		Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		
		tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(tr.đ)	
Thôn 1		25	-	-	1	0	7,595	
1	Nguyễn Thị Thức	10			0,68		2,720	
2	Nguyễn Hữu Thọ	10			0,75		3,000	
3	Nguyễn Du	5				0,25	1,875	
Thôn 6		27	-	-	-	0,90	6,750	
1	Thái Thị Minh	27				0,9	6,750	
Thôn 8		18	-	-	-	0,6	4,500	
1	Trần Bình Trọng	18				0,6	4,500	
Thôn Lâm Đồng		116	-	-	6	-	23,200	
1	Phan Văn Tý	14			0,7		2,800	
2	Trần Đức Thuận	6			0,3		1,200	
3	Trần Đức Hòa	16			0,8		3,200	
4	Nguyễn Tứ Hải	6			0,3		1,200	
5	Trần Văn Tuyên	6			0,3		1,200	
6	Phan Thị Nguyệt	6			0,3		1,200	
7	Lê Văn Việt	16			0,8		3,200	
8	Lê Văn Tâm	6			0,3		1,200	
9	Nguyễn Tam Sơn	16			0,8		3,200	

TT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%		Thiệt hại từ 30% đến 70%		Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		
10	Nguyễn Tiến	4			0,2		0,800	
11	Lê Văn Lý	6			0,3		1,200	
12	Phạm Đình Hồng	4			0,2		0,800	
13	Lê Hải Dương (Lê Thị V	10			0,5		2,000	
Thôn Lâm Trung		243	-	1	11	-	53,750	
1	Võ Quý Tuệ	24,0		0,6			9,000	
2	Hoàng Văn Thức (Hồ Thị Hường)	10,0			0,5		2,000	
3	Lê Thị Tường	8,0			0,4		1,600	
4	Vũ Quốc Bảo (Nguyễn Thị An)	20,0			1		4,000	
5	Vũ Thị Hoài Giang	10,0			0,5		2,000	
6	Vũ Dũng	14,0			0,7		2,800	
7	Phạm Sơn Hải	16,0			0,8		3,200	
8	Phạm Thị Chiến	10,0			0,5		2,000	
9	Phạm Văn Quyền	18,0			0,9		3,600	
10	Lê Trọng Hiếu	30,0			1,5		6,000	
11	Phạm Khắc Niệm	20,0			1		4,000	
12	Phan Viết Trung (Đặng	10,0			0,5		2,000	
13	Phan Thị Tâm	18,0			0,9		3,600	
14	Nguyễn Tiến Viện	16,0			0,8		3,200	
15	Nguyễn Hồng Lam (Bùi	14,0			0,7		2,800	
16	Phan Xuân Trí	5,2		0,13			1,950	

TT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%		Thiệt hại từ 30% đến 70%		Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		
Thôn Lâm Bình		505	-	-	6	13	120,350	
1	Trần Thành	10,0			0,5		2,000	
2	Trần Đức Hiền	20,0			1		4,000	
3	Phạm Minh Nhật	6,0			0,3		1,200	
4	Nguyễn Trung Liên	10,0			0,5		2,000	
5	Phạm Xuân Tình	30,0				1	7,500	
6	Trần Văn Hoàng (Trần Đình Lân)	30,0				1	7,500	
7	Trần Văn Nam (Trần Đình Lân)	24,0				0,8	6,000	
8	Phạm Hồng Nhạc	18,0				0,6	4,500	
9	Phạm Ngọc Lý	30,0				1	7,500	
10	Nguyễn Thế Hưng	12,0				0,4	3,000	
11	Nguyễn Văn Hải	20,0			1		4,000	
12	Phạm Quốc Trường	30,0				1	7,500	
13	Phan Văn Toại	30,0				1	7,500	
14	Phạm Quốc Ngự (Đậu Thị Xuyên)	30,0				1	7,500	
15	Nguyễn Văn Xước	12,0				0,4	3,000	
16	Phan Văn Giám	24,0				0,8	6,000	
17	Phạm Ngọc Lân	18,0			0,9		3,600	
18	Phạm Thị Linh	30,0				1	7,500	
19	Trần Văn Hán	14,0			0,7		2,800	

TT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%		Thiệt hại từ 30% đến 70%		Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		
20	Trần Tùng (Trần Văn C)	30,0				1	7,500	
21	Phan Thị Thanh	30,0				1	7,500	
22	Nguyễn Thị Xoàn (Phan	20,0			1		4,000	
23	Trần Lý	27,0				0,9	6,750	
Thôn Lâm Phúc		253	-	-	-	10	75,750	
1	Nguyễn Văn Bình	50				2,00	15,000	
2	Nguyễn Văn Nghĩa + Nguyễn Toái	50				2,00	15,000	
4	Nguyễn Quốc Kỳ	25				1,00	7,500	
5	Hồ Thị Lành	38				1,50	11,250	
7	Phan Văn Hồng	18				0,70	5,250	
9	Trần Danh Đạt (Bùi Thị Bình)	18				0,70	5,250	
11	Nguyễn Hải Dương	23				0,90	6,750	
12	Lê Văn Nghĩa (Lê Văn Định)	13				0,50	3,750	
13	Nguyễn Đình Huyền	8				0,30	2,250	
14	Nguyễn Dựng	13				0,50	3,750	
Thôn Lâm Khê		210,000	-	-	-	2,690	20,175	
1	Phạm Sơn Quang	90				0,69	5,175	
2	Trần Văn Tịnh (Cao Thị Thường)	90				1,00	7,500	
3	Nguyễn Khánh Toàn	30				1,00	7,500	
Thôn Lâm Thọ		415,500	-	-	1,500	13,100	104,250	

TT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%		Thiệt hại từ 30% đến 70%		Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		
1	Nguyễn Thị Hồng Phần	60				2	15,000	
2	Bùi Học	24				0,8	6,000	
3	Trần Văn Đường	45				1,5	11,250	
4	Võ Thị Duyên (Trần Qu	45				1,5	11,250	
5	Võ Thị Hồng (Nguyễn Văn Huynh)	60				2	15,000	
6	Nguyễn Đình Huân	30				1	7,500	
7	Trần Văn Sơn (Đoàn Ti	22,5			1,5		6,000	
8	Trần Văn Thúc	15				0,5	3,750	
9	Trần Viết Hùng	15				0,5	3,750	
10	Phạm Thị Hương (Nguyễn Văn Hậu, Nguyễn Phi Công, Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Tổ)	60				2	15,000	
11	Nguyễn Văn Thông	24				0,8	6,000	
12	Nguyễn Văn Đạt (Nguyễn	15				0,5	3,750	
Thôn Lâm Giang		600,000	0,600	8,300	-	-	129,300	
1	Bùi Quang Trung	105		0,7			10,500	
2	Nguyễn Thị Hải (Võ Hù	35		0,7			10,500	
3	Ngô Đức Thông (Ngô Công Truyền)	50	0,6	0,5			12,300	
4	Nguyễn Đức Thuận	15		0,3			4,500	
5	Lê Minh Lương	20		0,2			3,000	
6	Nguyễn Văn Hiền	75		0,8			12,000	

TT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%		Thiệt hại từ 30% đến 70%		Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		
7	Đoàn Trọng Liệu	35		0,5			7,500	
8	Hoàng Duy Nông (Hoàng Duy Phước)	25		0,5			7,500	
9	Hoàng Duy Bằng	50		0,8			12,000	
10	Lê Thị Bình	30		0,5			7,500	
11	Ngô Sỹ Diện	15		0,3			4,500	
12	Phạm Đình Long (Cao T	25		0,2			3,000	
13	Cao Thị Hoàn	15		0,3			4,500	
14	Nguyễn Văn Vĩnh	15		0,2			3,000	
15	Nguyễn Bính (Nguyễn K	15		0,1			1,500	
16	Ngô Sỹ Đức	15		0,2			3,000	
17	Võ Sỹ Quyền	15		0,4			6,000	
18	Phạm Đình Kiên (Phạm Quỳ)	15		0,5			7,500	
19	Phạm Đình Công	15		0,3			4,500	
20	Nguyễn Đình Nam (Nguyễn Đình Bá)	15		0,3			4,500	
Thôn Tân Sơn		1.699,35	-	1,50	38,45	35,17	440,075	-
1	Phan Văn Phú + Phan V	30				1	7,500	
2	Nguyễn Thị Dinh (Trần	6			0,4		1,600	
3	Nguyễn Chí Hùng + Trầ	15			1		4,000	
4	Nguyễn Khắc Thìn	8			0,5		2,000	
5	Tô Quang Khôi + Lê Th	60				2	15,000	

TT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%		Thiệt hại từ 30% đến 70%		Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		
6	Đặng Văn Thắng (Phan	15				0,5	3,750	
7	Tô Công Duẩn	36				1,2	9,000	
8	Nguyễn Quang Trung	8			0,5		2,000	
9	Trần Kỳ	6			0,4		1,600	
10	Nguyễn Quang Hạnh	12			0,8		3,200	
11	Nguyễn Quang Học	21				0,7	5,250	
12	Từ Đăng Đạm	30				1	7,500	
13	Nguyễn Văn Lai	15			1		4,000	
14	Đình Văn Toàn	39				1,3	9,750	
15	Dương Văn Phú	6			0,4		1,600	
16	Phan Chí Thanh	15			1		4,000	
17	Đặng Xuân Thường	21				0,7	5,250	
18	Trần Văn Phúc	24				0,8	6,000	
19	Lê Văn Tuế + Lê Văn Đ	30				1	7,500	
20	Nguyễn Văn Phú	45				1,5	11,250	
21	Lê Thị Loan	15			1		4,000	
22	Tô Phú	5			0,3		1,200	
23	Từ Xuân Hải	12				0,4	3,000	
24	Nguyễn Thị Hòa	33				1,1	8,250	
25	Nguyễn Thanh Hồng	9			0,6		2,400	
26	Nguyễn Công Đoàn (Ng	8			0,5		2,000	

TT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%		Thiệt hại từ 30% đến 70%		Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		
27	Nguyễn Khắc Nam	15			1		4,000	
28	Phan Trọng Sửu	8			0,5		2,000	
29	Nguyễn Đình Quyền	12			0,8		3,200	
30	Nguyễn Thanh Long	11			0,7		2,800	
31	Nguyễn Thị Mỹ Linh	9				0,3	2,250	
32	Nguyễn Quang Hải	3			0,2		0,800	
33	Đoàn Thị Hưng	11			0,7		2,800	
34	Hồ Thị Thanh (Hoàng X	20			1,3		5,200	
35	Nguyễn Đình Thê	14			0,9		3,600	
36	Lê Thị Lý	8			0,5		2,000	
37	Nguyễn Trung Mạnh	7			0,45		1,800	
38	Trần Thị Vân	9			0,6		2,400	
39	Nguyễn Thị Chiến	3			0,2		0,800	
40	Nguyễn Thị Nguyệt	11			0,7		2,800	
41	Đinh Văn Học	15			1		4,000	
42	Ngô Hòe (Lê Thị Thành	15			1		4,000	
43	Lê Xuân Đàn	5			0,35		1,400	
44	Bùi Đức Điệp (Bùi Đức	8			0,5		2,000	
45	Nguyễn Thị Hồng (Nguy	7			0,4	0,03	1,825	
46	Trần Thanh Hùng	23		0,5			7,500	
47	Nguyễn Khắc Quyền	8			0,5		2,000	

TT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%		Thiệt hại từ 30% đến 70%		Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		
48	Trần Văn Lý(Nguyễn Th	9			0,6		2,400	
49	Phan Thị Lan (Hồ Hoạt)	36				1,2	9,000	
50	Nguyễn Khắc Khang	6			0,4		1,600	
51	Hoàng Thanh Sâm + Ho	18			1,2		4,800	
52	Nguyễn Thanh Hồng + N	33			0,2	1	8,300	
53	Nguyễn Văn Quốc	2			0,15		0,600	
54	Nguyễn Thị Ninh	6			0,4		1,600	
55	Phan Huy Dương	39				1,3	9,750	
56	Hà Văn Tý	9			0,6		2,400	
57	Nguyễn Văn Luận (	23			1,5		6,000	
58	Phùng Thị Xuân + Lê H	43			0,5	1,18	10,850	
59	Nguyễn Thị Đào	30				1	7,500	
60	Nguyễn Thị Hương (Ng	6			0,4		1,600	
61	Nguyễn Văn Lực	9			0,6		2,400	
62	Nguyễn Thị Hương (S)+	21				0,7	5,250	
63	Phùng Đình Hà	17			1,1		4,400	
64	Phan Trọng Hành + Hồ	45			1	1	11,500	
65	Nguyễn Thanh Bình	12				0,4	3,000	
66	Trần Thị Hoa	6			0,4		1,600	
67	Bùi Thị Hồng	21				0,7	5,250	
68	Lê Quang Thủy	21			1,4		5,600	

TT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%		Thiệt hại từ 30% đến 70%		Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		
69	Nguyễn Quang Hùng	18				0,6	4,500	
70	Lê Đức Vinh + Đinh Th	21				0,7	5,250	
71	Phan Xuân Hiệp + Phan	30				1	7,500	
72	Trần Thị Phương + Lê Đ	11			0,7		2,800	
73	Lê Văn Lợi	36				1,2	9,000	
74	Nguyễn Thị Hạnh (Nguy	21				0,7	5,250	
75	Phùng Đình Nam	38			0,5	1	9,500	
76	Nguyễn Thị Phúc (Phan	9			0,6		2,400	
77	Nguyễn Văn Minh	57				1,9	14,250	
78	Tô Văn Thơ	27				0,9	6,750	
79	Nguyễn Thị Vân + Nguy	18				0,6	4,500	
80	Phùng Đình Tình	12			0,8		3,200	
81	Lê Đức Quang	18				0,6	4,500	
82	Phùng Đình Thuần + Ng	60		1		0,5	18,750	
83	Phan Thị Hằng (Nguyễn	30				1	7,500	
84	Nguyễn Thị Hiền	14			0,9		3,600	
85	Nguyễn Xuân Hiền	12			0,8		3,200	
86	Lê Hồng Kỳ	27				0,9	6,750	
87	Cao Thị Phương	8			0,5		2,000	
88	Phan Xuân Thái	6			0,4		1,600	
89	Nguyễn Khắc Thắng	8			0,5		2,000	

TT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%		Thiệt hại từ 30% đến 70%		Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		
90	Ngô Sỹ Đoài	17				0,56	4,200	
91	Bùi Đức Quyết	30				1	7,500	
92	Lê Quang Trung	11			0,7		2,800	
93	Lê Viết Đồng	6			0,4		1,600	
94	Nguyễn Khắc Hậu	8			0,5		2,000	
Thôn Tân Thủy		1.028,000	-	-	6,000	21,200	183,000	
1	Nguyễn Thanh Nghị	30			1		4,000	
2	Nguyễn Quang Tình	28				0,7	5,250	
3	Lê Công Trình	24				0,6	4,500	
4	Thái Thị Hải Lý	18			0,6		2,400	
5	Nguyễn Đức Sơn	24				0,6	4,500	
6	Trần Quốc Tuấn (Lê Khánh Cẩm)	20				0,5	3,750	
7	Hà Huy Hồ	28				0,7	5,250	
8	Phạm Văn Long	30			1		4,000	
9	Phạm Văn Đồng	24				0,6	4,500	
10	Trần Xuân Kiều (Trần Xuân Hiến)	21			0,7		2,800	
11	Nguyễn Đình Trường	20				0,5	3,750	
12	Lê Viết Hải	28				0,7	5,250	
13	Bùi Thị Xoan	20				0,5	3,750	

TT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%		Thiệt hại từ 30% đến 70%		Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		
14	Nguyễn Đình Thu	20				0,5	3,750	
15	Lê Đức Thắng	24				0,6	4,500	
16	Trần Văn Toàn	24				0,6	4,500	
17	Đặng Ngọc Toàn	28				0,7	5,250	
18	Nguyễn Văn Ngọc	30			1		4,000	
19	Nguyễn Khắc Long	20				0,5	3,750	
20	Lê Hữu Lưu (Lê Khánh	24				0,6	4,500	
21	Nguyễn Tiến Huân	24				0,6	4,500	
22	Phan Thanh Vịnh	20				0,5	3,750	
23	Trần Thanh Văn	20				0,5	3,750	
24	Trần Hoài (Trần Xuân B	20				0,5	3,750	
25	Nguyễn Đình Tăng	20				0,5	3,750	
26	Đinh Công Khải	28				0,7	5,250	
27	Phan Văn Vinh	20				0,5	3,750	
28	Nguyễn Đình Nam	20				0,5	3,750	
29	Nguyễn Khắc Trường (Nguyễn Khắc Cường)	20				0,5	3,750	
30	Nguyễn Thị Hương	20				0,5	3,750	
31	Hoàng Thanh Trâm (Hoàng Thanh Lâm)	20				0,5	3,750	
32	Nguyễn Văn Hoan	20				0,5	3,750	

TT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%		Thiệt hại từ 30% đến 70%		Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		
33	Lê Xuân Đạt	60				1,5	11,250	
34	Trần Mạnh Thắng	24				0,6	4,500	
35	Phan Ngọc Thủy (Trần	20				0,5	3,750	
36	Võ Đình Hà + Trần Thị Hoan	24			0,8		3,200	
37	Nguyễn Thị Ka	16				0,4	3,000	
38	Nguyễn Văn Mai	16				0,4	3,000	
39	Từ Thị Linh	16				0,4	3,000	
40	Nguyễn Mai Dân	18				0,45	3,375	
41	Lê Hồng Bông	20				0,5	3,750	
42	Nguyễn Trường Chinh	16				0,4	3,000	
43	Nguyễn Thị Linh	14				0,35	2,625	
44	Nguyễn Thị Hường	20				0,5	3,750	
45	Võ Đình Giáp	27			0,9		3,600	
Thôn Đồng Phúc		576,90	3,20	6,70	15,76	6,90	240,890	
1	Lê Quang Nhâm (Lê Anh Quốc)	32		0,8			12,000	
2	Nguyễn Đình Châu	28		0,7			10,500	
3	Nguyễn Đình Nam	20		0,5			7,500	
4	Lê Xuân Trường	24		0,6			9,000	
5	Phan Thị Vân (Hoàng Ngọc Khanh)	-				1,9	14,250	

TT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%		Thiệt hại từ 30% đến 70%		Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		
6	Lê Quốc Vận (Lê Văn Long)	8			0,5		2,000	
7	Bùi Đức Quán	36		0,9			13,500	
8	Lê Văn Sơn (Lê Văn Công)	18	0,7				5,600	
9	Lê Văn Vượng	18	0,7				5,600	
10	Nguyễn Văn Quý	26			1,7		6,800	
11	Nguyễn Thanh Nghi (Nguyễn Huy Kính)	28		0,7			10,500	
12	Phan Xuân Hương	23	0,9				7,200	
13	Lê Hữu Lịch (Lê Hữu Xán)	23	0,9				7,200	
14	Trần Thị Nguyên (Phan Thúc Định)	28		0,7			10,500	
15	Hồ Huy Lợi	15			1		4,000	
16	Phan Duy Tùng (Trần Thị Tuyết)	9			0,6		2,400	
17	Lê Văn Công (Nguyễn Thị Tâm)	11			0,7		2,800	
18	Nguyễn Quang Tài (Trần Xuân Tịnh)	8			0,56		2,240	
19	Nguyễn Quang Tính (Nguyễn Thị Tuyết)	23			1,5		6,000	
20	Hồ Thị Xuân (Nguyễn Đình Giáo)	11			0,7		2,800	
21	Cù Xuân Trung	-				0,9	6,750	
22	Nguyễn Thị Linh	-				0,7	5,250	

TT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%		Thiệt hại từ 30% đến 70%		Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		
23	Nguyễn Đình Hải	15			1		4,000	
24	Nguyễn Bá Dũng	-				0,7	5,250	
25	Trần Văn Bình	11			0,7		2,800	
26	Nguyễn Thị Mạo	14			0,9		3,600	
27	Nguyễn Văn Tuấn	16		0,4			6,000	
28	Lê Văn Nhiệm (Lê Văn Cửu)	28		0,7			10,500	
29	Lê Thị Hương (Bùi Đức Ái)	28		0,7			10,500	
30	Thái Văn Thanh	-				0,7	5,250	
31	Dương Thị Giang	-				0,7	5,250	
32	Nguyễn Đình Tiến	8			0,5		2,000	
33	Trần Văn Bình	8			0,5		2,000	
34	Văn Thanh Bình	6			0,4		1,600	
35	Đào Khắc Hùng	6			0,4		1,600	
36	Nguyễn Đình Huân (Nguyễn Thị Hồng)	12			0,8		3,200	
37	Phan Văn Lệ	15			1		4,000	
38	Lê Văn Sơn	9			0,6		2,400	
39	Nguyễn Đình Cường	-				0,8	6,000	
40	Lê Thanh Ngọc	9			0,6		2,400	
41	Hồ Văn Minh					0,5	3,750	

TT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%		Thiệt hại từ 30% đến 70%		Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		
42	Đào Thị Xuân (Nguyễn Văn Hạnh)				0,5		2,000	
43	Nguyễn Xuân Cảnh (Ng	9			0,6		2,400	
Thôn Yên Long		273,00	-	-	3,00	9,10	80,250	
1	Nguyễn Thanh Long	90			3	3	34,500	
2	Lê Ngọc Tiến	24				0,8	6,000	
3	Nguyễn Xuân Tình (Nguyễn Văn Tiến)	30				1	7,500	
4	Lê Đức Thọ	21				0,7	5,250	
5	Nguyễn Văn Linh	21				0,7	5,250	
6	Nguyễn Quang Vinh	18				0,6	4,500	
7	Nguyễn Tiến Công (Nguyễn Vỹ Đại)	9				0,3	2,250	
8	Đào Thị Hòe (Nguyễn Văn Tân)	9				0,3	2,250	
9	Trần Quốc Hùng	12				0,4	3,000	
10	Phan Thị Ái Huê	9				0,3	2,250	
11	Mai Trọng Mạnh	15				0,5	3,750	
12	Phạm Đình Trọng (Phan Thị Thủy)	15				0,5	3,750	
Thôn Sông con		509	1	-	-	15	124,450	
1	Phùng Văn Anh	15				0,5	3,750	
2	Phan Xuân Thành	15				0,5	3,750	

TT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%		Thiệt hại từ 30% đến 70%		Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		
3	Nguyễn Văn Tân	15				0,5	3,750	
4	Trần Thị Tình	21				0,7	5,250	
5	Đinh Sỹ Đồng	33				1,1	8,250	
6	Nguyễn Thị Thùy	39				1,3	9,750	
7	Đinh Văn Phiên	30				1	7,500	
8	Nguyễn Thị Cảnh	15				0,5	3,750	
9	Nguyễn Chí Lan	18				0,6	4,500	
10	Trần Đình Giảng	15				0,5	3,750	
11	Nguyễn Xuân Hoàng	20	0,5				4,000	
12	Phan Hồng	39				1,3	9,750	
13	Nguyễn Đình Nghệ	15				0,5	3,750	
14	Trần Quốc Toàn	21				0,7	5,250	
15	Hoàng Thị Hà	33				1,1	8,250	
16	Nguyễn Văn Mạo	26	0,5			0,2	5,500	
17	Lê Họa Sỹ (Nguyễn Văn Luận)	15				0,5	3,750	
18	Đoàn Quang Hòa	15				0,5	3,750	
19	Trương Sỹ	30				1	7,500	
20	Nguyễn Văn Giang	15				0,5	3,750	
21	Nguyễn Đình Bã	9				0,3	2,250	
22	Nguyễn Thị Thân	15				0,5	3,750	

TT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%		Thiệt hại từ 30% đến 70%		Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		
23	Nguyễn Trường Giang (Nguyễn Minh Châu)	16	0,4				3,200	
24	Nguyễn Thị Khuyên	24				0,8	6,000	
Tổng		6.498,450	5,200	17,230	88,540	128,010	1.614,285	